

# NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

**Cơ quan chủ trì:** Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề

**Chủ nhiệm đề tài:** PGS.TS. Mạc Văn Tiến

**Thời gian thực hiện:** 03/2015 - 09/2017

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế quan trọng về vị trí, đất đai, hạ tầng kỹ thuật để phát triển KT - XH, đặc biệt là phát triển các ngành kinh tế biển như: công nghiệp dầu khí, sản xuất điện, đạm, cảng biển, logistics, du lịch, khai thác và chế biến hải sản. Mặc dù thời gian vừa qua đã có một số nghiên cứu từ những góc độ khác nhau về nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo nghề, nhưng chưa có nghiên cứu một cách tổng thể về nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, việc nghiên cứu “Nghiên cứu ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

## II. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề của nền kinh tế công nghiệp theo hướng hiện đại và hội nhập.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Đề xuất mô hình tổng quát đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### *Phương pháp nghiên cứu lý luận*

Thông qua hồi cứu tư liệu khoa học để tiến hành nghiên cứu phân tích, tổng hợp, khái quát hóa tài liệu, tư liệu từ các nguồn khác nhau đã công bố có liên quan đến nội dung nghiên cứu lý luận của đề tài.

#### *Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

- Tọa đàm với các chuyên gia giáo dục, đào tạo nghề ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tổ chức điều tra bằng phiếu hỏi các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, người lao động, học sinh, sinh viên học nghề tại Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Nghiên cứu điển hình tại các trường cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khảo nghiệm một số giải pháp đã đề xuất trong đề tài nhằm xác định sự cần thiết và kiểm chứng bước đầu tính khả thi, hợp lý của các giải pháp.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại và hội nhập

##### 1.1. Xu thế phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại và hội nhập

- Phát triển kinh tế theo hướng hiện đại và hội nhập được hiểu là phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề có tính cạnh tranh cao, chiếm tỷ trọng đáng kể trong chuỗi giá trị toàn cầu.

- Trong nền kinh tế hiện đại và hội nhập, song song với phát triển công nghiệp, lĩnh vực dịch vụ là lĩnh vực ưu tiên phát triển.

##### 1.2. Vai trò lao động qua đào tạo nghề đối với nền kinh tế

###### 1.2.1. Lao động qua đào tạo nghề với tăng trưởng kinh tế

Đại hội VII Đảng đã xác định “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người”. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII cũng nhấn mạnh “lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 đã khẳng định phát triển giáo dục là nền tảng, NNL chất lượng cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Nhiều nước phát triển trong khu vực và các nước ASEAN đã và đang điều chỉnh chiến lược tăng trưởng hướng vào khai thác tối đa nguồn lực con người và coi giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm phát triển nguồn nhân lực, cải thiện các chỉ số phát triển con người (HDI).

###### 1.2.2. Lao động qua đào tạo nghề với nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Từ nhận thức “vốn con người” là yếu tố quyết định của sự phát triển, để nâng cao năng lực cạnh tranh ở cấp quốc gia, cũng như cấp DoN và sản phẩm, dịch vụ, phải ưu tiên đầu tư vào khâu có tính chất đột phá, then chốt nhất là nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực, trên cơ sở nâng cao chất lượng NNL thông qua giáo dục, đào tạo, trong đó có đào tạo nghề.

Từ khía cạnh lợi thế so sánh, khả năng cạnh tranh tăng lên phụ thuộc vào hai yếu tố giảm chi phí và tăng mức thoả mãn nhu cầu. Cả 2 yếu tố này đều liên quan đến lao động (số lượng và chất lượng), đến năng suất lao động, tức là liên quan đến khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực. Một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực, của lao động là chi phí lao động trong một đơn vị sản phẩm hoặc tỷ trọng chi phí lao động trong giá trị gia tăng.

###### 1.2.3. Lao động qua đào tạo nghề với chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH tác động mạnh mẽ đến phát triển lao động qua ĐTN để phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Tuy nhiên, lao động qua ĐTN cũng tác động ngược lại đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ở Việt Nam, cần xúc tiến mạnh, phát triển nhanh và có chất lượng lao động qua ĐTN để tạo điều kiện và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH-HĐH, hướng tới nền kinh tế công nghiệp hiện đại.

#### 1.3. Mối quan hệ giữa lao động qua đào tạo nghề với phát triển kinh tế theo hướng hiện đại và hội nhập

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng dẫn tới cơ cấu lại lực lượng lao động theo vùng và đặt ra yêu cầu mới trong ĐTN, nhất là cho lao động tại chỗ.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển lao động có kỹ năng có mối quan hệ biện chứng, khách quan, tác động qua lại lẫn nhau.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại yêu cầu phải có cơ cấu lao động phù hợp trong từng thời kỳ phát triển.

Các xu hướng cơ bản thay đổi cơ cấu lao động qua ĐTN được định hướng bởi xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động như sau:

- Hình thành cơ cấu lao động qua ĐTN theo cấp trình độ (cơ cấu trình độ) và bậc kỹ năng. Cơ cấu cấp trình độ hiện nay theo Luật Giáo dục nghề nghiệp gồm sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. Cơ cấu theo bậc kỹ năng từ bậc 1 đến bậc 5.

- Cơ cấu lại lao động qua ĐTN theo ngành, nghề mới.

- Hình thành cơ cấu lao động qua ĐTN đa ngành, đa lĩnh vực và ngày càng chuyên môn hoá.

- Cơ cấu lao động qua ĐTN theo vùng có sự chuyển dịch nhanh chóng trên cơ sở cơ cấu lại lực lượng sản xuất tại địa bàn lãnh thổ.

- Trong kinh tế thị trường, sự biến động và di chuyển lao động có kỹ năng là hiện tượng phổ biến, nhất là trong bối cảnh hình thành AEC.

- Cơ cấu lao động qua ĐTN trong nền kinh tế hiện đại có xu hướng ngày càng tăng sự chuyển dịch từ đội ngũ được đào tạo kỹ năng hẹp chỉ có một vài kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu sang được đào tạo nhiều kỹ năng (đa kỹ năng)...

- Xu hướng cơ bản có tính chất bao trùm, mang tính chiến lược lâu dài của chuyển đổi đào tạo lao động là đào tạo đáp ứng cơ cấu về trình độ, cơ cấu ngành, nghề và cơ cấu vùng, miền phù hợp với chiến lược phát triển, KT-XH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH ở nước ta.

#### **1.4. Mối quan hệ chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề với nền kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại và hội nhập**

##### **1.4.1. Chất lượng đào tạo nghề**

Chất lượng ĐTN trong phạm vi nghiên cứu này, được hiểu ở hai khía cạnh (1) Cá nhân; (2) Nền kinh tế. Từ khía cạnh cá nhân, chất lượng ĐTN là sự đánh giá của doanh nghiệp/người sử dụng lao động đối với người lao động sau khi được đào tạo nghề. Từ khía cạnh nền kinh tế, chất lượng ĐTN được thể hiện đóng góp của lực lượng lao động qua ĐTN đối với: (i) tăng trưởng kinh tế, (ii) tăng năng suất lao động quốc gia; (iii) đối với chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia...

##### **1.4.2. Hiệu quả đào tạo nghề**

- Hiệu quả: Hiệu quả được hiểu là mối quan hệ giữa chi phí đầu vào với kết quả đầu ra hàng hóa, dịch vụ. Nói cách khác, hiệu quả là sự so sánh kết quả thu được với những chi phí bỏ ra. Khái niệm hiệu quả được dùng làm tiêu chuẩn để xem xét các nguồn tài nguyên xã hội được thị trường sử dụng như thế nào.

- Hiệu quả KT-XH: Là các lợi ích kinh tế và xã hội thu được so với những chi phí bỏ ra để giải quyết những vấn đề đó. Hiệu quả KT-XH là chỉ tiêu có tính chất tổng hợp các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và chỉ tiêu hiệu quả xã hội.

#### **2. Thực trạng về chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*\* Đánh giá chung của người học*

- Về kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề:

Theo kết quả khảo sát, đa số HSSV đánh giá kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề được đào tạo trong các CSDN cơ bản đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng học tập của họ (tỉ lệ tương ứng 82,95% và 78,03%). Tuy vậy, vẫn còn một số HSSV cho rằng những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề này mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu học tập (tỉ lệ tương ứng 16,36% và 20,40%). Chỉ có rất ít người đánh giá mức độ “chưa đáp ứng”.

- Về trình độ tin học

Có 51,22% trong tổng số người học đánh giá những kiến thức về tin học được học tập tại cơ sở đào tạo đáp ứng được nguyện vọng học tập của họ; 40,54% cho rằng những kiến thức này mới chỉ đáp ứng một phần và 8,24% còn lại đánh giá “không đáp ứng”.

- Về kỹ năng mềm và trình độ ngoại ngữ:

+ 19,94% cho rằng việc đào tạo kỹ năng mềm trong các CSDN là chưa đáp ứng được nguyện vọng học tập của mình. Ngoài ra tỷ lệ đánh giá “Chỉ đáp ứng một phần” cũng lên tới 38,76%.

+ Theo kết quả khảo sát (chủ yếu là học trình độ TCN và CĐN) thì 17,01% cho rằng việc đào tạo ngoại ngữ tại trường là chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu học tập của họ; 41,96% người học khác cũng đánh giá ở mức “chỉ đáp ứng một phần”.

*\* Đánh giá mức độ đáp ứng về một số kỹ năng mềm được đào tạo*

Theo kết quả khảo sát, HSSV đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu học tập các kỹ năng mềm tại các trường chỉ ở mức trung bình (tất cả các kỹ năng nhận được đánh giá “Đáp ứng được yêu cầu” chỉ khoảng 60% trở xuống). Tỷ lệ đánh giá “chỉ đáp ứng một phần” và “chưa đáp ứng” còn tương đối cao.

Nếu chia các mức độ đánh giá từ 0 - 3, trong đó: tương ứng với 3 là “đáp ứng được yêu cầu” và 0 là mức độ “CSDN không đào tạo” thì điểm trung bình cao nhất là kỹ năng làm việc nhóm với 2,50 và thấp nhất là các kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian, kỹ năng tư duy sáng tạo với 2,25 điểm.

*\* Đánh giá về phương pháp đào tạo*

Trong tổng số 1696 các ý kiến đánh giá phương pháp giảng dạy, có 51,24% số HSSV đánh giá phương pháp giảng dạy tại các CSDN là dễ hiểu, tạo hứng thú cho người học; 47,23% số ý kiến cho rằng các phương pháp dạy học được áp dụng chỉ ở mức độ “Bình thường” và 1,53% cho rằng “Không tạo hứng thú”.

### **3. Kết quả**

- Mạng lưới các CSDN trên địa bàn tỉnh được điều chỉnh tương đối hợp lý về cơ cấu nghề đào tạo và mở rộng quy mô đào tạo của các CSDN theo hướng phù hợp với tình hình phát triển KT-XH của tỉnh.

- Các nghề đào tạo phát triển theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp.

- Chương trình dạy nghề được xây dựng xuất phát từ thực tiễn sản xuất;

- Giáo viên dạy nghề tăng nhanh về số lượng và chất lượng từng bước được chuẩn hóa về trình độ đào tạo, kỹ năng nghề và năng lực sư phạm.

- Cán bộ quản lý dạy nghề ở các CSDN đã được bố trí đảm bảo theo chức năng, cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định.

- Cơ sở vật chất, thiết bị của các CSDN đã được tăng cường, đảm bảo được các thiết bị thực hành cơ bản.
- Kỹ năng nghề của học sinh tốt nghiệp các CSDN đã được nâng lên. Lao động qua đào tạo nghề tham gia vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế.
- Đã có một số cơ chế chính sách tạo cơ hội học nghề để mọi người có nhu cầu học nghề đều được tham gia học nghề một cách dễ dàng.
- Dạy nghề đã góp phần bước đầu vào phân luồng học sinh sau trung học cơ sở vào học nghề. Đã có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong việc thực hiện phân luồng. Số học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông vào học nghề đã tăng dần qua các năm.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

##### **1. Kết luận**

Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về đào tạo nghề, chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Các vấn đề về công nghiệp, công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế có nội dung rất rộng và đa dạng song đã được đề tài phân tích hợp lý để đáp ứng mục tiêu phân tích của đề tài. Chất lượng và hiệu quả đào tạo cũng là những vấn đề được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, đề tài đã tiếp cận từ hai phía là hiệu quả trong (các hoạt động đào tạo của nhà trường) và hiệu quả ngoài (thông qua đánh giá của doanh nghiệp và xã hội). Từ việc phân tích thực trạng năng lực đào tạo các CSDN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho thấy, việc chuyển đổi ĐTN theo hướng “Cầu” của TTLĐ đã được các trường tích cực thực hiện. Tuy nhiên kết quả còn nhiều hạn chế do vẫn còn nhiều trường quen với mô hình đào tạo theo kế hoạch hóa trước đây nên còn thụ động trong việc nắm bắt thông tin TTLĐ, nhu cầu sử dụng của DoN, tâm lý ngại thay đổi tư duy quản lý, nội dung, phương pháp... dẫn đến tình trạng dạy những gì trường sẵn có, do đó HSSV ra trường không đáp ứng được yêu cầu việc làm, hoặc phải đào tạo lại mới đáp ứng được.

##### **2. Kiến nghị**

Đưa xây dựng quan hệ liên kết đào tạo vào tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo cho CSDN. Đối với các trường CDN bổ sung thêm tiêu chí hợp tác với DoN nghiên cứu theo hướng ứng dụng, thúc đẩy việc tham gia của DoN vào hoạt động tại các khoa chuyên môn nghề và các CSDN, chỉ đạo CSDN thực hiện các cuộc khảo sát nhu cầu về số lượng, yêu cầu kỹ năng nghề và kỹ năng mềm đối với người lao động, nghiên cứu và phổ biến các bài học hay về mối quan hệ giữa CSDN và DoN thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, đề xuất với các cấp cơ quan quản lý Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về các chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp tham gia liên kết; Đưa ra mục tiêu hợp tác với DoN là một trong những mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển.